TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1098/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/11/2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN – TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán, chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Hòa và ông Nguyễn Văn Sỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thế Nữ Diệu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 560/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 320/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 297/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/10/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm: 1990
Địa chỉ: H T, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

* Bị đơn: Anh Bùi Công T, sinh năm: 1983
Địa chỉ: H T, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Tại phiên toà, chị G vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T đã được tống đạt Quyết định hoãn phiên toà hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 29/05/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G trình bày: Chị và anh Bùi Công T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, TP .. Sau khi kết hôn, chị và anh T sống hạnh phúc đến năm 2015 thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung, mặc khác do anh T là người sống vô tâm, không quan tâm đến gia đình vợ con, không đảm bảo về tài chính dẫn đến hai bên thường xuyên cãi nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị, chị vì các con nên hàn gắn để hai vợ chồng

cùng nhau tiếp tục làm ăn lo con. Tuy nhiên, anh T vẫn không thay đổi nên đến năm 2018 mâu thuẫn của hai bên ngày càng gay gắt hơn, từ năm 2020 anh chị sống ly thân cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm, trách nhiệm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên yêu cầu ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Bùi Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 27/05/2012 và Bùi Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 17/7/2018. Hiện nay các cháu đang sống với hai vợ chồng, sức khỏe tốt. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi cháu Bùi Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 17/7/2018, anh T trực tiếp nuôi cháu Bùi Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 27/05/2012. Không bên nào cấp dưỡng cho bên nào.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Tại bản khai ngày 20/7/2023, lời trình bày tại phiên hòa giải ngày 22/9/2023, bị đơn anh Bùi Công T trình bày*: Anh thống nhất như lời trình bày của chị G về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống dẫn đến hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn giữa hai bên cũng đã nhiều năm nhưng bản thân anh cũng đã cố gắng nhẫn nhịn để giữ cho các con có một gia đình trọn vẹn. Trong những năm qua anh vẫn cố gắng làm ăn để có đủ kinh tế lo cho gia đình, thu nhập có được anh dùng vào việc làm ăn chứ không phải anh không quan tâm đến vợ con, cũng không phải anh ăn chơi dẫn đến không đảm bảo kinh tế cho gia đình. Tuy vợ chồng có mâu thuẫn trong nhiều năm như vậy nhưng anh vẫn còn yêu thương vợ con, vẫn muốn các con có đầy đủ tình thương của cả cha và mẹ nên nay chị G yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng có 02 con chung như lời khai của chị G là đúng. Hiện nay các cháu đang sống với hai vợ chồng, sức khỏe tốt. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi cháu Bùi Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 27/05/2012, chị G trực tiếp nuôi cháu Bùi Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 17/7/2018. Không bên nào cấp dưỡng cho bên nào.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn với anh Bùi Công T; Về con chung: Giao cháu Bùi Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 27/05/2012 cho anh Bùi

Công T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 17/7/2018 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng cho bên nào. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét. Án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Bùi Công T là tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung; Anh Bùi Công T là bị đơn có địa chỉ cư trú tại H T, phường Q, thành phố Q nên căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc Giàu c đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Bùi Công T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị G và anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Bùi Công T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/04/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, TP . nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh T và chị G đều thừa nhận mâu thuẫn của hai vợ chồng đã bắt đầu từ nhiều năm, sau nhiều lần được gia đình hòa giải anh chị đều đã cố gắng hàn gắn để giữ gìn mái ấm gia đình cho các con nhưng sau đó tiếp tục mâu thuẫn, mâu thuẫn giữa hai bên trở nên gay gắt hơn từ năm 2018 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị Tòa án giãn thời gian giải quyết vụ án để vợ chồng anh có cơ hội hàn gắn, Tòa án đã 03 lần tổ chức hòa giải cho anh chị nhưng đều không có kết quả, anh T cũng không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên toà hôm nay, anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, chứng tỏ anh không có thiện chí để duy trì tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị G và anh T đã phát sinh từ lâu, mặc dù đã được hòa giải nhiều lần nhưng từ đó đến nay anh chị vẫn không hàn gắn được tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm, trách nhiệm với nhau không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh T, chị Giàu c 02 con chung là Bùi Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 27/05/2012 và Bùi Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 17/7/2018. Hiện nay các cháu đang sống với anh chị, sức khỏe bình thường.

Chị G yêu cầu được là người trực tiếp nuôi cháu Bùi Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 17/7/2018, giao cho anh T trực tiếp nuôi cháu Bùi Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 27/05/2012, không bên nào cấp dưỡng cho bên nào. Anh T cũng thống nhất như ý kiến chị G. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử :

1 - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc G. Chị Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn anh Bùi Công T.

2 - Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

2.1. Anh T, chị Giàu c 02 con chung là cháu Bùi Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 27/05/2012 và cháu Bùi Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 17/7/2018.

2.2. Nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

- Giao cho anh Bùi Công T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 27/05/2012.

- Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 17/7/2018.

Cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào yêu cầu cấp dưỡng cho bên nào.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3 - Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0003900 ngày 09/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

5 - Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSNDTP. Quy Nhơn
- CC THA Tp.Quy Nhơn
-UBND xã Nhơn Lý, Tp. Quy Nhơn
(Giấy CNKH số 14 ngày 16/4/2012)
- Các đương sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Diễm